

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/KDTM-PT

Ngày 04-7-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữ

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLPT-KDTM ngày 16/5/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn D. Địa chỉ trụ sở chính: thửa số 175 tờ bản đồ số DC10, đường số 6 KCN V 1, phường B, Thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Phước Nhật Q, sinh năm 1997.

2. Ông Nguyễn Bùi Bá H, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ liên lạc: Lầu 11, số 246 đường C, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 166/2022/GUQ ngày 16/6/2022).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B. Địa chỉ trụ sở chính: 48 đường số 7 khu dân cư C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: ấp 6, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: ấp 6 xã N, huyện T, Tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, bị đơn.

(Ông H, ông Q, ông T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/12/2020 lời khai trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (gọi tắt là Công ty D) có bán cho chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B (gọi tắt là Công ty B) mặt hàng sơn (sản phẩm sơn hoặc nước sơn) và Công ty B còn thiếu tiền hàng chưa thanh toán là 681.142.660 đồng (tương ứng 7.138 kg sản phẩm sơn). Công ty D đã giao hàng đầy đủ và đã xuất 7 hóa đơn VAT cho Công ty B. Cụ thể như sau:

Hóa đơn số 0000127 ngày 30/10/2019 số tiền 6.616.500 đồng; Hóa đơn số 0000128 ngày 30/10/2019 số tiền 164.208.000 đồng; Hóa đơn số 0000150 ngày 26/11/2019 số tiền 43.560.000 đồng; Hóa đơn số 0000175 ngày 14/12/2019 số tiền 103.747.160 đồng; Hóa đơn số 0000177 ngày 20/12/2019 số tiền 98.560.000 đồng; Hóa đơn số 0000222 ngày 10/02/2020 số tiền 260.040.000 đồng; Hóa đơn số 0000236 ngày 25/02/2020 số tiền 4.411.000 đồng.

Theo điều IV của hợp đồng thì Công ty B phải thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán tiền hàng còn nợ là 681.142.660 đồng, trong đó có 416.691.660 đồng đã quá hạn. Công ty D đã nhiều lần gửi email, công văn yêu cầu thanh toán nhưng vẫn không có kết quả làm ảnh hưởng đến nguồn tài chính của nguyên đơn.

Do đó Công ty D yêu cầu Công ty B phải trả số tiền vốn 681.142.660 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử. Việc Công ty B không xuất khẩu được các mặt hàng là do đại dịch Covid 19 kéo dài chứ không phải do nguyên đơn giao hàng kém chất lượng như ý kiến trình bày của bị đơn.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B do ông Nguyễn Phước T đại diện ủy quyền trình bày:

Công ty B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty D về việc yêu cầu thanh toán tiền hàng còn nợ là 681.142.660 đồng. Lý do Công ty D giao hàng không đúng chất lượng như hợp đồng đã ký, làm thiệt hại cho Công ty B. Trước đây Công ty B sử dụng nước sơn của nước ngoài chỉ đến tháng 10/2019 mới sử dụng sản phẩm sơn của Công ty D và do sản phẩm sơn của Công ty D không đảm bảo chất lượng nên khi Công ty B sơn lên sản phẩm (hàng hóa) của

Công ty B thì bề mặt nước sơn trên sản phẩm bị ngả màu. Công ty B đã trưng cầu Công ty V giám định chất lượng hàng sơn mà Công ty D đã giao và Giám định viên đã mang sơn về giám định nhưng sau đó Công ty V trả lời là không giám định được. Nay bị đơn tiếp tục yêu cầu Công ty giám định đo lường chất lượng 3 tiến hành giám định lại chất lượng hàng sơn mà Công ty D đã bán cho bị đơn, bị đơn đồng ý thanh toán tương ứng với kết quả giám định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước T trình bày: Ông là người trực tiếp điều hành nhà máy và quản lý công nhân tại Chi nhánh Công ty B và ông thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn.

Ông Nguyễn Minh H1 là giám định viên của Công ty Cổ phần tập đoàn V Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến trình bày:

Ngày 10/11/2021 ông trực tiếp đến Chi nhánh Công ty B để lấy mẫu sơn giám định thì các thùng sơn không được bảo quản như trong hợp đồng đã ký kết. Sau khi kiểm tra từng thùng sơn đánh dấu ký hiệu gồm: thùng 01 ký hiệu 01, hiệu cứng PU lót 2k-2010-09V-00BL, nắp nhựa niêm phong tình trạng ngoại quang bình thường, trọng lượng 18,1kg cả bì; thùng 02 ký hiệu 02, hiệu cứng PU bóng 2K 2010-35 V-00, nắp nhựa niêm phong tình trạng ngoại quang bình thường, trọng lượng 21,1kg cả bì; thùng 3 ký hiệu 03, hiệu bóng PU 2K 100 %-110-03V 100, nắp dây bằng sắt không còn nguyên vẹn, trọng lượng 12kg cả bì; thùng 04 ký hiệu 04, hiệu lót PU 2K-2411-04V-00 NY, nắp nhựa niêm phong tình trạng ngoại quang bình thường, trọng lượng 27kg cả bì. Công ty tiếp nhận 01 mẫu ván gỗ kích thước 36 x 29 cm, dày 2cm.

Ông đã mang về Công ty V thực hiện các trình tự giám định theo qui định thì nhận thấy thời hạn sơn sử dụng không còn, các hóa chất đã bị biến dạng nên Công ty V không thể thực hiện việc giám định. Văn bản đã gửi cho Công ty B và Tòa án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn D số tiền gốc là 681.142.660 đồng và tiền lãi là 152.802.941 đồng phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 11- 2019/DF-BL ngày 28/9/2019.

2. Về lệ phí giám định: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải chịu lệ phí giám định là 17.000.000 đồng (đã nộp xong).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong Công ty B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 25/02/2022, Tòa án nhân dân huyện T nhận được đơn kháng cáo của Công ty B đề ngày 24/02/2022 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn xác định lại yêu cầu kháng cáo theo hướng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành giám định lại chất lượng sản phẩm sơn mà Công ty D đã giao cho Công ty B; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Phước T trình bày:

Ông yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện việc giám định về chất lượng hàng sơn mà Công ty D đã bán cho Công ty B vì hàng sơn này không đảm bảo chất lượng, bởi khi bị đơn sử dụng hàng sơn này sơn lên các sản phẩm hàng hóa của bị đơn thì bề mặt sản phẩm đã sơn bị đổi màu sau đó, làm cho các sản phẩm hàng hóa của bị đơn không thể xuất khẩu được gây thiệt hại rất lớn cho bị đơn. Do đó bị đơn tiếp tục yêu cầu Tòa án trưng cầu Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, có địa chỉ: số 49 đường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc giám định lại chất lượng sơn nêu trên nhằm bảo vệ quyền lợi cho Công ty B.

Đồng thời ông yêu cầu Công ty D phải cung cấp tài liệu về tiêu chuẩn áp dụng hàng hóa do mình sản xuất nhằm chứng minh sản phẩm sơn của Công ty D là phù hợp với tiêu chuẩn hàng hóa để được lưu thông trên thị trường.

Ông Nguyễn Bùi Bá H và ông Nguyễn Phước Nhật Q thống nhất trình bày:

Công ty D không đồng ý với yêu cầu giám định của bị đơn vì không thể giám định được mà chỉ làm mất thời gian. Bởi lẽ, các mặt hàng sơn mà nguyên đơn đã xuất bán cho bị đơn là đã quá thời hạn sử dụng, nước sơn đã bị biến dạng, đổi màu, hư hỏng nên không thể nào giám định được chất lượng sản phẩm trong hạn sử dụng. Việc không giám định được đã được Công ty V có văn bản trả lời sau khi thực hiện việc giám định theo yêu cầu của bị đơn.

Về chất lượng sản phẩm hàng sơn mà nguyên đơn xuất bán là đảm bảo chất lượng, đúng tiêu chuẩn, đúng sản phẩm điều này được chứng minh bằng hợp đồng mua bán giữa hai bên, biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án, các đơn giao hàng, hóa đơn thanh toán. Việc khiếu nại chất lượng hàng hóa đã được ghi trong hợp đồng là bằng văn bản trong hạn 15 ngày kể từ ngày bên bán giao hàng nhưng nguyên đơn không nhận được bất kỳ khiếu nại bằng văn bản nào của bị đơn về chất lượng hàng trong thời gian này, chỉ khi nguyên đơn yêu cầu thanh toán bị đơn cho rằng hàng không đảm bảo chất lượng để không thanh toán là không phù hợp.

Ngoài ra, nguyên đơn xác định sản phẩm sơn này nguyên đơn sản xuất theo yêu cầu tiêu chuẩn đặt hàng của bị đơn nên sản phẩm sơn chỉ đạt theo tiêu chuẩn chung về chất lượng, không được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận chất lượng đối với từng loại sản phẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án trung cầu Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 tiến hành giám định chất lượng hàng sơn nhưng xét thấy tại cấp sơ thẩm Tòa án đã trung cầu giám định theo yêu cầu của bị đơn và Công ty V có văn bản trả lời là không thể thực hiện việc giám định vì sản phẩm sơn đã hết hạn sử dụng, bị biến dạng, các bên không thống nhất mẫu so sánh. Tại cấp phúc thẩm bị đơn cũng không nêu ra được căn cứ để cho rằng việc giám định lại là sẽ giám định được nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc trung cầu giám định.

Xét thấy, bị đơn thừa nhận tiền hàng còn nợ nguyên đơn là 681.142.660 đồng, không chứng minh được hàng của Công ty D giao kém chất lượng nên cấp sơ thẩm buộc Công ty B thanh toán tiền nợ gốc và khoản lãi là có cơ sở, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, những người tham gia tố tụng và xét xử có mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt đầy đủ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Công ty B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục tiến hành giám định chất lượng sản phẩm sơn do Công ty D bán cho Công ty B để làm căn cứ xác định nghĩa vụ thanh toán của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Tại cấp sơ thẩm bị đơn yêu cầu Tòa án trung cầu Công ty TNHH Giám định V Tp.HCM (gọi tắt là Công ty V) thực hiện việc giám định chất lượng hàng hóa (sơn) do Công ty D (bên bán) bán cho Công ty B (bên mua). Ngày 26/11/2021 Công ty V có công văn trả lời cho Tòa án và Công ty B rằng không có cơ sở để xác định chất lượng hàng hóa (sơn) theo yêu cầu, lý do chất lượng hàng hóa phải tuân theo Điều 2 của hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên; việc giao nhận hàng đã hoàn thành vào ngày 25/02/2021 (hàng đã hết hạn sử

dụng), hai bên không thống nhất được mẫu yêu cầu giám định và mẫu đối chứng.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn tiếp tục yêu cầu Tòa án trung cầu Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 tiến hành giám định với nguồn mẫu yêu cầu (cần) giám định và mẫu đối chứng như Công ty V đã thu thập giám định, Công ty D cũng không thống nhất về các mẫu này. Hội đồng xét xử nhận thấy hàng sơn đã hết thời hạn sử dụng (các bên xác nhận có ghi thời hạn trên sản phẩm), hai bên không thống nhất được mẫu yêu cầu giám định và mẫu đối chứng, bên mua cũng không có khiếu nại về chất lượng hàng hóa trong thời hạn khiếu nại 15 ngày kể từ ngày giao hàng theo hợp đồng mua bán. Với lý do trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án tiếp tục trung cầu giám định chất lượng hàng sơn mà Công ty D đã bán cho Công ty B.

[6] Xét thấy, bị đơn xác nhận còn nợ tiền hàng là 681.142.660 đồng, cho rằng do hàng kém chất lượng nên không đồng ý thanh toán nhưng bị đơn cũng không có khiếu nại gì về chất lượng hàng hóa trong thời hạn khiếu nại nêu trên do đó án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn là có căn cứ. Như vậy, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty B về yêu cầu giám định và nghĩa vụ thanh toán, bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[7] Về trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, cấp sơ thẩm tính mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng 12%/năm kể từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm với tiền lãi 152.802.941 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất tại Điều 306 của Luật Thương mại là không đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bởi lẽ trường hợp này các bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả là 12%/năm nên bị đơn chỉ chịu lãi chậm trả 12%/năm kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Vì vậy cần sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này.

[8] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 148, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 24, 50 Luật Thương mại 2005; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn D tổng số tiền là 833.945.601đ (Tám trăm ba mươi ba triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ một đồng) (Bao gồm 681.142.660đ tiền hàng và 152.802.941đ tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định 12%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Về lệ phí giám định: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải chịu lệ phí giám định là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) và đã nộp xong.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải chịu án phí dân sự về tranh chấp kinh doanh thương mại là 37.018.000đ (Ba mươi bảy triệu không trăm mười tám ngàn đồng).

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn D là 15.623.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007197 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000đ theo biên lai thu số 0002361 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An; Công ty B đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc